**9. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh- 1.002338**

**9.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:**

| **STT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:** *Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau:* | 1. Trực tiếp: Tổ chức, cá nhân nộp tại Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản (Số 326-328, đường Điện Biên Phủ, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | Trước khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được ủy quyền (sau đây gọi là cơ quan kiểm dịch động vật nội địa). Cụ thể: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản (Số 326-328, đường Điện Biên Phủ, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) | 01 ngày |  |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | 04 ngày hoặc 01 ngày, tùy theo trường hợp: |  |
| - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/STT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y. | 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch |
| - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng | + 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch+ 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |
| *1. Tiếp nhận hồ sơ*  | 01 giờ  |
| *2. Giải quyết hồ sơ (cơ quan/bộ phận chuyên môn), trong đó:* |  |  |
|  \* Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/STT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. Trong đó: | *01 ngày* |
| *+ Chuyên viên* *+ Lãnh đạo phòng/bộ phận* | *03giờ* *01giờ*  |
| *\** Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng: | *04 ngày* |
| - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch | *01 ngày* |  |
| *+ Chuyên viên* *+ Lãnh đạo phòng/bộ phận* | *02 giờ* *02 giờ*  |
| - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | 03 ngày |
| *+ Chuyên viên*  | 03 ngày |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | - Nhận kết quả trực tiếp từ cán bộ được phân công thực hiện kiểm dịch. - Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. | *03 giờ hoặc giao trực tiếp chủ hàng* |  |

**9.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/STT-BNNPTNT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**9.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**9.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục được ủy quyền

**9.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm dịch

**9.6. Phí, lệ phí:**

- Mục III Thông tư số 101/2020/STT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật 283/2016/STT-BTC.

**9.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/STT-BNNPTNT

**9.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**9.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 37 Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Điều 4, Điều 5 Thông tư số 25/2016/STT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Mục III Thông tư số 101/2020/STT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

- Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/STT-BTC ngày 14/11/2016.

- Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNTvề việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.

- Quyết định số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNTvề việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.

**9.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục **9**.2;- Kết quả giải quyết STTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.- Hồ sơ thẩm định (nếu có)- Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) | Cơ quan chuyên môn (Phòng/Bộ phận chuyên môn) | Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của đơn vị. |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/STT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính.  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Mẫu: 1* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

*Số:................../ĐK-KDĐV*

Kính gửi: ..............……………......................................................

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*: ..........................................

Địa chỉ giao dịch: ……………………………….……...…..

Chứng minh nhân dân số: ……………… Cấp ngày…../..…./….. tại………

Điện thoại: ………………………..…. Fax: ……….….. Email: ……

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại động vật** | **Giống** | **Tuổi** | **Tính biệt** | **Mục đích sử dụng** |
| **Đực** | **Cái** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| T**ổng** s**ố** |  |  |  |  |  |

Tổng số *(viết bằng chữ)*: …………………………………………

Nơi xuất phát: ……………………………….……….………

Tình trạng sức khoẻ động vật: …………………….………………

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh: ….………

..... theo Quyết định số …/… ngày……/…../..…của ……*(1)*…. *(nếu có)*.

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau *(nếu có)*:

1/ ……………….… Kết quả xét nghiệm số …..…../……. ngày ..…../……/

2/ ………………… Kết quả xét nghiệm số ……../…. ngày ..…../……/

3/ ……………….… Kết quả xét nghiệm số …..…../……. ngày ..…../……/

4/ …………………. Kết quả xét nghiệm số ….…../………. ngày ..…../……/

5/ ………………….Kết quả xét nghiệm số ……../……. ngày ..…../……/

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau *(loại vắc xin, nơi sản xuất)*:

1/ ……...………………………………….. tiêm phòng ngày …...…./……/

2/ ………….………………………..…….. tiêm phòng ngày …..…./……/

3/ ………...……………………………….. tiêm phòng ngày …..…./……/

4/ ………………...……………………….. tiêm phòng ngày …..…./……/

5/ …………..……………………………... tiêm phòng ngày …..…./……/

**II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên hàng** | **Quy cách đóng gói** | **Số lượng***(2)* | **Khối lượng***(kg)* | **Mục đích sử dụng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |

Tổng số *(viết bằng chữ)*: …………………….……….……………

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số ………../…… ngày…/….../ ...…. của …*(3)* …………………….… *(nếu có)*.

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: ……………………………..….……….

Điện thoại: …………………………………..…. Fax: …

**III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: ………………………….……………………..…….

Địa chỉ: …….....…………...……………...

Điện thoại: ……………………………….…. Fax: …………

Nơi đến *(cuối cùng)*: ………………………..………………

Phương tiện vận chuyển: …………...…………….….………...……

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ………….……………………. Số lượng: ……...…… Khối lượng: …….

2/ ……...……………………….. Số lượng: ……...…… Khối lượng: ……..

3/ ……...……………………..… Số lượng: ……...…… Khối lượng: ….…

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: ...…………

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: ...…………………

Các giấy tờ liên quan kèm theo: ...…………………

Địa điểm kiểm dịch: ...………………..……………..

Thời gian kiểm dịch: ...……………...…………….………..…….

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCHĐỘNG VẬT**Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.........................…… vào hồi ….. giờ…... ngày ........./......./ …...….Vào sổ đăng ký số ........…... ngày…...../ ......./ …...….**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT***(Ký, ghi rõ họ tên)* | Đăng ký tại ..............….........................*Ngày ........ tháng .......năm* …..….**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện cơ sở***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | **Kiểm dịch viên động vật***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 12b**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | **GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH***Số: .........../CN-KDĐV-UQ* |

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: ................................. Fax: ............................ Email:

Vận chuyển số động vật sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại động vật | Tuổi*(1)* | Tính biệt | Số lượng*(con)* | Mục đích sử dụng |
| Đực | Cái |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |

Tổng số *(viết bằng chữ)*:

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Phương tiện vận chuyển: ..............................Biển kiểm soát:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ................................................................................................ Số lượng:

2/ ................................................................................................ Số lượng:

3/ ................................................................................................ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên đông vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

................................................................................ tại kết quả xét nghiệm số: ......../

ngày ....../ ....../ ......... của ............................... *(2)* ..................*(gửi kèm bản sao, nếu có).*

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- .....................................................................................tiêm phòng ngày ....../ ....../

- .....................................................................................tiêm phòng ngày ....../ ....../

- .....................................................................................tiêm phòng ngày ....../ ....../

- .....................................................................................tiêm phòng ngày ....../ ....../

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..........................nồng độ..................

|  |  |
| --- | --- |
| *Giấy có giá trị đến ngày: ....../....../......* | *Cấp tại ................, ngày ....../....../.....***KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*(1): Đối với động vật làm giống.*

*(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

**Mẫu 12d**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | **GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH***Số: .........../CN-KDSPĐV-UQ* |

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: ……………………….Fax: ……………………….Email:

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hàng** | **Quy cách đóng gói** | **Số lượng *(1)*** | **Khối lượng *(kg)*** | **Mục đích sử dụng** |
|  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |

Tổng số *(viết bằng chữ)*:

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: ……………………….Fax: ……………………….Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/ ……………………………………………Số lượng: …………….Khối lượng:

2/ ……………………………………………Số lượng: …………….Khối lượng:

Phương tiện vận chuyển: …………………………Biển kiểm soát

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ………/…….. ngày ……./……./…… của …………..*(2)*………..*(gửi kèm bản sao, nếu có).*

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng ……………nồng độ ………… *(nếu có)*.

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ……………………nồng độ ………………..

|  |  |
| --- | --- |
| *Giấy có giá trị đến ngày: ....../....../......* | *Cấp tại ................, ngày ....../....../.....***KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...*

*(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*